TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Bá L, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; nơi đăng ký tạm trú: Xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P; chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Bá L vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 23 tháng 8 năm 2008. Sau khi kết

hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H. Sau khi chị sinh con được khoảng 4 tháng thì vợ chồng chuyển về sinh sống trên diện tích đất mà vợ chồng chị đã mua tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và do anh Phạm Bá L có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác. Mặt khác anh Phạm Bá L thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt tại gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào năm 2017 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Hiện nay chị và hai con đang sinh sống tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P, còn anh Phạm Bá L đang thường xuyên sinh sống tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H. Nay chị Trần Thị Thu H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Phạm Bá L không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Bá L.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu H trình bày vợ chồng chị có 02 con chung tên Phạm B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2010 và Phạm C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi hai con chung. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Bá L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H trình bày vợ chồng chị có tài sản chung gồm nhà và đất tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P. Trường hợp chị và anh Phạm Bá L ly hôn, chị đề nghị để chị và anh Phạm Bá L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2018 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25 tháng 8 năm 2018 bị đơn là anh Phạm Bá L trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị Thu H vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 23 tháng 8 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H. Sau khi chị Trần Thị Thu H sinh con tên Phạm B được khoảng 03 tháng thì vợ chồng anh chuyển về sinh sống tại nhà đất của vợ chồng mua ở xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng anh có đi lao động nước ngoài (nước Malaixia) khoảng 02 năm sau đó vợ chồng anh về nước và sinh con thứ hai Phạm C. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn, chị Trần Thị Thu H ở nhà bán hàng tạp hóa còn anh làm việc tại xã H, huyện T, thành phố H. Nay chị Trần Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh việc Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết vụ án anh không có ý kiến. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H thì anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến phải ly hôn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung: Anh Phạm Bá L trình bày vợ chồng anh có 02 con chung tên Phạm B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2010 và Phạm C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015. Hiện nay 02 con chung đang sinh sống

cùng với chị Trần Thị Thu H tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P. Anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung. Về tài sản chung: Anh Phạm Bá L trình bày vợ chồng anh có tài sản chung gồm nhà, đất tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018 anh Phạm Bá L có bản tự khai trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình nhưng không quá căng thẳng như chị Trần Thị Thu H trình bày và anh thừa nhận do điều kiện công việc nên anh thường xuyên làm việc tại xã H thỉnh thoảng mới về P thăm vợ con. Nay chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, trước đây anh không đồng ý ly hôn vì lý do vợ chồng anh chưa thống nhất về tài sản chung. Nay vợ chồng anh đã thống nhất về phân chia tài sản chung và anh thừa nhận không còn tình cảm với chị Trần Thị Thu H nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Thu H. Về con chung anh đồng ý để chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để vợ chồng anh tự thỏa thuận. Về tài sản chung của vợ chồng gồm có nhà 03 tầng và đất tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P, nay vợ chồng anh đã thống nhất thỏa thuận về phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Bá L chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Bá L. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2010 và Phạm C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Bá L đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H và bị đơn là anh Phạm Bá L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H và bị đơn là anh Phạm Bá L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Bá L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 23 tháng 8 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị Thu H trình bày quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, mặt khác anh Phạm Bá L có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác và thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt tại gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Nay chị Trần Thị Thu H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Phạm Bá L không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Bá L. Anh Phạm Bá L thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không còn tình cảm với chị Trần Thị Thu H nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Thu H. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Bá L do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Bá L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và khả năng vợ chồng về đoàn tụ không còn. Mặt khác anh Phạm Bá L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Phạm Bá L vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu H về việc xin ly hôn anh Phạm Bá L, cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Bá L.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Bá L có 02 con chung tên Phạm B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2010 và Phạm C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn chị Trần Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi hai con chung. Anh Phạm Bá L đồng ý để chị Trần Thị Thu H được trực tiếp nuôi hai con chung Phạm B và Phạm C. Anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Thu H thống nhất trình bày hai con chung tên Phạm B và Phạm C đang sinh sống cùng với chị Trần Thị Thu H và học tập tại xã X, huyện S, tỉnh P phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác con Phạm B có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Trần Thị Thu H. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu H, giao 02 con chung tên Phạm B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2010 và Phạm C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Bá L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Bá L đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Bá L thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm nhà và đất tại xóm Nâu, xã X, huyện S, tỉnh P. Khi ly hôn chị Trần Thị Thu H đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Anh Phạm Bá L trình bày vợ chồng anh đã thống nhất thỏa thuận về phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Bá L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2010 và Phạm C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Bá L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009016 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã H, huyện T, TP H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền